

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUÝ
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST

Ngày: 28/02/2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUÝ, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Trọng Tình

2. Ông Văn Quang Thương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Minh Thạo – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phát - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2017/TLST-KDTM ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-KDTM ngày 25/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-KDTM ngày 09/02/2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V (A)

Địa chỉ: Số 02, L, quận B, Tp. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch hội đồng thành viên A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn C – Giám đốc chi nhánh A huyện P, tỉnh Bình Thuận theo văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Võ Minh L – Phó giám đốc chi nhánh A huyện P, tỉnh Bình Thuận theo văn bản ủy quyền lại số 08/NHNo-BTh-PQ ngày 08/02/2017 của Giám đốc chi nhánh Ngân hàng (có mặt)

Địa chỉ: Số 194, đường V, thôn Q, xã N, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

2/ Bị đơn:

- Ông Ngô Hòa T – Sinh năm: 1969 (vắng mặt)
- Bà Đỗ Thị L – Sinh năm: 1968 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

3/ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Huỳnh Văn T – Sinh năm: 1974 (vắng mặt)
- Bà Nguyễn Thị P – Sinh năm: 1977 (có mặt)
- Bà Huỳnh Thị K – Sinh năm: 1937 (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà K: Bà Nguyễn Thị P – Sinh năm: 1977, văn bản ủy quyền ngày 25/01/2018 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2017, bản tự khai ngày 12/12/2017 và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 29/04/2011, giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V - Chi nhánh huyện P, tỉnh Bình Thuận (Ngân hàng NN và PTNT V - Chi nhánh huyện P) có ký hợp đồng tín dụng số NH02.2132/HĐTD với bị đơn là ông Ngô Hòa T và bà Đỗ Thị L. Theo hợp đồng, Ngân hàng đồng ý cho ông Ngô Hòa T và bà Đỗ Thị L vay số tiền là 630.000.000 đồng (*Sáu trăm ba mươi triệu đồng*); lãi suất: 1,583%/tháng (19%/năm), lãi quá hạn là 150% lãi suất vay; mục đích vay: Kinh doanh mua, bán điện thoại di động, văn phòng phẩm; thời hạn vay: 11 tháng (kể từ ngày nhận tiền vay ngày 29/4/2011).

Để đảm bảo khoản tiền vay trên, ông Ngô Hòa T và bà Đỗ Thị L đã thế chấp tài sản sau:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 787040 cấp ngày 05/12/2008 đứng tên bà Huỳnh Thị K (bà K chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn T vào ngày 19/3/2009, ông Huỳnh Văn T tặng cho ông Ngô Hòa T vào tháng 4/2009) và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số hồ sơ 26/2009/QĐ-UB.GCN cấp ngày 20/5/2009 đứng tên ông Ngô Hòa T theo hợp đồng thế chấp số NH02.2132/HĐTC.02 ngày 28/4/2011 do ông Ngô Hòa T ký kết với Ngân hàng NN và PTNT V - Chi nhánh huyện P, đăng ký giao dịch bảo đảm quyền số 01 – 193 ngày 28/4/2011 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P, tỉnh Bình Thuận;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 109934 cấp ngày 14/8/2008 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số hồ sơ 40/2007/QĐ-UB.GCN cấp ngày 14/12/2007 đứng tên ông Ngô Hòa T và bà Đỗ Thị L theo hợp đồng thế chấp số NH02.2132/HĐTC.01 ngày 28/4/2011 do ông T, bà L ký với Ngân hàng NN và PTNT V - Chi nhánh huyện P, đăng ký giao dịch bảo đảm quyền số 01 – 194 ngày 28/4/2011 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P, tỉnh Bình Thuận.

Ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị P nhận bảo lãnh cho ông T, bà L (phạm vi bảo lãnh 130.000.000 đồng và lãi phát sinh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 854380 cấp ngày 02/8/2006 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số hồ sơ 19/2008/QĐ-UB.GCN cấp ngày 06/01/2008 đứng tên ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị P theo hợp đồng bảo lãnh số NH02.2132/HĐBL ngày 28/4/2011 do ông T, bà P ký với Ngân hàng NN và PTNT V - Chi nhánh huyện P, đăng ký giao dịch bảo đảm quyền số 01 – 192 ngày 28/4/2011 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P, tỉnh Bình Thuận.

Đến hạn trả nợ ông T, bà L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng nên đã xin gia hạn và được Ngân hàng đồng ý cho gia hạn đến ngày 29/12/2013. Sau thời gian này, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà L trả số nợ vay và lãi suất nhưng ông T, bà L không thanh toán.

Nay Ngân hàng NN và PTNT V yêu cầu ông Ngô Hòa T và bà Đỗ Thị L trả dứt điểm số tiền tính đến ngày 28/02/2018 là **1.336.370.000 đồng**; trong đó tiền gốc là **630.000.000 đồng**, (*tiền lãi trong hạn 597.397.500 đồng + tiền lãi quá hạn 160.842.500 đồng*) = 758.240.000 đồng – (*51.870.000 đồng tiền lãi ông T, bà L đã trả*) = **706.370.000 đồng**.

Trường hợp ông T, bà L không trả hết các khoản nợ gốc và lãi nói trên thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ông Ngô Hòa T, bà Đỗ Thị L để thu hồi nợ. Nếu xử lý tài sản của Ngô Hòa T, bà Đỗ Thị L không đủ để thu hồi nợ gốc và lãi phát sinh thì yêu cầu tiếp tục phát mãi tài sản của ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị P để thu hồi nợ. Ngoài ra, Ngân hàng NN và PTNT V yêu cầu kể từ ngày 01/3/2018, ông Ngô Hòa T và bà Đỗ Thị L phải tiếp tục trả tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Ngô Hòa T và bà Đỗ Thị L, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và xác định bị đơn không có mặt tại địa phương. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân, đồng thời niêm yết công khai nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị P trình bày: Thừa nhận đã tự nguyện thế chấp tài sản của chính mình quyền sử dụng đất số AĐ 854380 cấp ngày 02/8/2006 và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số hồ sơ 19/2008/QĐ-UB.GCN ngày 06/01/2008 để bảo lãnh khoản nợ vay của bị đơn với số tiền 130.000.000 đồng. Tại phiên Tòa, ông Huỳnh Văn T vắng mặt, bà Nguyễn Thị P yêu cầu HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật buộc vợ chồng ông T, bà L trả nợ cho Ngân hàng để cho vợ chồng bà lấy giấy tờ nhà đất về để có chỗ ở. Trường hợp ông T, bà L không trả và tài sản thế chấp phát mãi không đủ để trả nợ thì đồng ý phát mãi tài sản đã bảo lãnh để trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị K trình bày: Hiện nay bà đang ở trong căn nhà mà trước đây là tài sản của bà, nhưng bà đã chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn T và ông Huỳnh Văn T đã chuyển nhượng lại cho ông

Ngô Hòa T. Hiện nay, tài sản này đã được ông Ngô Hòa T thế chấp tại Ngân hàng để vay tiền. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Ngô Hòa T và bà Đỗ Thị L trả nợ, trường hợp không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, trong đó có căn nhà và đất mà bà đang ở thì bà không có ý kiến gì, chỉ mong sau khi giải quyết xong thì cho bà được ở lại khoảng thời gian tuổi già, ngoài ra bà không có yêu cầu gì.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng NN và PTNT V. Áp dụng Điều 290, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, buộc ông Ngô Hòa T và bà Đỗ Thị L phải trả nợ cho Ngân hàng NN và PTNT V số tiền gốc và lãi theo hợp đồng đã ký kết tạm tính đến ngày 28/02/2018 là 1.336.370.000 đồng. Nếu ông T, bà L không có khả năng trả nợ thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp, bảo lãnh để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng do bị đơn không còn nơi cư trú tại địa chỉ nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của bị đơn được ghi trong giao dịch hợp đồng tín dụng, việc bị đơn đi khỏi địa phương, thay đổi địa chỉ cư trú mà không thông báo cho người khởi kiện về nơi cư trú mới theo khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung và tổng đạt văn bản tố tụng thông qua việc niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông T, bà L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T đã được Tòa án tổng đạt tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Việc bà K ủy quyền cho bà P tham gia tố tụng là tự nguyện và không thuộc các trường hợp không được ủy quyền theo quy định tại Điều 87 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Nguyên đơn Ngân hàng NN và PTNT V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*”; mục đích vay vốn để kinh doanh mua bán điện thoại, văn phòng phẩm; bị đơn ông T, bà L cư trú tại thôn M, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận. Theo quy định tại khoản 01 Điều 30, điểm b khoản 01 Điều 35 và điểm a khoản 01 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Thuận giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

Ông Ngô Hòa T và bà Đỗ Thị L ký hợp đồng vay Ngân hàng NN và PTNT V – Chi nhánh huyện P thông qua hợp đồng tín dụng số NH02.2132/HĐTD ngày 29/4/2011 để vay số tiền 630.000.000 đồng, thời hạn vay là 11 tháng, lãi suất cho vay 1,583%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà L đã được Ngân hàng cho gia hạn đến ngày 29/12/2013. Sau thời gian này, ông T, bà L không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng. Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng yêu cầu ông Ngô Hòa T và bà Đỗ Thị L trả dứt điểm số tiền tính đến ngày 28/02/2018 là **1.336.370.000 đồng**; trong đó tiền gốc **630.000.000 đồng**, *tiền lãi 706.370.000 đồng* (lãi trong hạn 545.527.500 đồng, lãi quá hạn 160.842.500 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/3/2018 trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng. Đồng thời duy trì hợp đồng thế chấp, bảo lãnh để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Xét, hợp đồng tín dụng số NH02.2132/HĐTD ngày 29/4/2011, các hợp đồng thế chấp số NH02.2132/HĐTC.02 ngày 28/4/2011, số NH02.2132/HĐTC.01 ngày 28/4/2011 và hợp đồng bảo lãnh số NH02.2132/HĐBL ngày 28/4/2011 được ký kết giữa Ngân hàng NN và PTNT V – Chi nhánh huyện P với ông T và bà L, với ông T và bà P trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ; các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Ông T, bà L đã không thực hiện nghĩa vụ trả lãi và gốc, vi phạm định kỳ trả nợ, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng NN và PTNT V yêu cầu ông T, bà L thanh toán số tiền theo hợp đồng tín dụng là phù hợp với khoản 02 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 290, 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên chấp nhận.

[3] Việc nguyên đơn yêu cầu về lãi suất phát sinh từ sau ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng và yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp, bảo lãnh nêu trên để đảm bảo thu hồi nợ là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông T và bà L phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 01 Điều 30; điểm b khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39; Điều 87; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 290, 471 và 474 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 02 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Khoản 02 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN và PTNT V đối với ông Ngô Hòa T và bà Đỗ Thị L.

2. Buộc ông Ngô Hòa T và bà Đỗ Thị L phải trả cho Ngân hàng NN và PTNT V – Chi nhánh huyện P, tỉnh Bình Thuận tổng số tiền tính đến ngày 28/02/2018 là 1.336.370.000 đồng (trong đó tiền gốc 630.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 545.527.500 đồng, tiền lãi suất quá hạn 160.842.500 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T và bà L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng NN và PTNT V thì lãi suất mà ông T và bà L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng NN và PTNT V.

3. Trường hợp ông T và bà L không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ nêu trên, Ngân hàng NN và PTNT V – Chi nhánh huyện P, tỉnh Bình Thuận có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý:

- Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số NH02.2132/HĐTC.02 ngày 28/4/2011 tài sản thế chấp là thửa đất số 921, tờ bản đồ 09 tỷ lệ 1/2000 năm 2004, loại đất ở nông thôn, diện tích 97,5m² được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 787040 ngày 05/12/2008 và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà ở cấp 4A, diện tích 52,80m² được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số hồ sơ 26/2009/QĐ-UB.GCN ngày 20/5/2009, ông Ngô Hòa

T nhận tặng cho và được cấp giấy chứng nhận, toàn bộ tài sản trên tọa lạc tại thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

- Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số NH02.2132/HĐTC.01 ngày 28/4/2011 tài sản thế chấp là thửa đất số 00, tờ bản đồ khu dân cư M, loại đất ở nông thôn, diện tích 130m² được UBND huyện Phú Quý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 109934 ngày 14/8/2008 và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà ở cấp 3A, diện tích 134,52m² được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số hồ sơ 40/2007/QĐ-UB.GCN ngày 14/12/2007 cấp cho ông Ngô Hòa T và bà Đỗ Thị L, toàn bộ tài sản trên tọa lạc tại thôn M, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

Trường hợp xử lý tài sản của ông Ngô Hòa T, bà Đỗ Thị L không đủ để thu hồi nợ gốc và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền tiếp tục yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý:

-Tài sản bảo lãnh (*trong phạm vi bảo lãnh 130.000.000 đồng và lãi phát sinh*) theo hợp đồng bảo lãnh số NH02.2132/HĐBL ngày 28/4/2011 là thửa đất số 89, tờ bản đồ 21, loại đất ở nông thôn, diện tích 104,2m² được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.00316 ngày 02/8/2006 và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà ở cấp 4A có diện tích 52,67m² và 4C có diện tích 10,73m² được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số hồ sơ 19/2008/QĐ-UB.GCN ngày 06/01/2008 cấp cho ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị P, toàn bộ tài sản trên tọa lạc tại thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp, bảo lãnh không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông T và bà L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng NN và PTNT V – Chi nhánh huyện P, tỉnh Bình Thuận.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông T, bà L phải nộp 800.000 đồng, do Ngân hàng đã tạm ứng nên ông T, bà L phải hoàn trả cho Ngân hàng NN và PTNT V – Chi nhánh huyện P, tỉnh Bình Thuận số tiền 800.000 đồng.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông Ngô Hòa T, bà Đỗ Thị L phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 52.091.000 đồng (*Năm mươi hai triệu không trăm chín mươi một nghìn đồng*).

Ngân hàng NN và PTNT V – Chi nhánh huyện P, tỉnh Bình Thuận không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng đã nộp là 25.337.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0013593 ngày 07/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Thuận.

5. Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 28/02/2018*). Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên

toà được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phú Quý;
- Chi cục THA huyện Phú Quý;
- Tòa án tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Trần Văn Kiệt